

## Đề số 2- Toán 7

### I. TRẮC NGHIỆM

Câu 11: Sắp xếp các số  $-2$ ;  $-\frac{3}{2}$ ;  $2$ ;  $0$  theo thứ tự tăng dần ta có:

- A.  $-2$ ;  $-\frac{3}{2}$ ;  $0$ ;  $2$       B.  $-2$ ;  $0$ ;  $-\frac{3}{2}$ ;  $2$ ;      C.  $-\frac{3}{2}$ ;  $-2$ ;  $2$ ;  $0$       D.  $0$ ;  $2$ ;  $-\frac{3}{2}$ ;  $-2$

Câu 12: Khẳng định nào sau đây **đúng**:

- A.  $\frac{5}{2} \in \mathbb{N}$       B.  $3,5 \in \mathbb{Z}$       C.  $\frac{4}{5} \notin \mathbb{Q}$       D.  $-\frac{3}{2} \in \mathbb{Q}$

Câu 13: Trong các số  $0,15$ ;  $-1\frac{3}{4}$ ;  $-\frac{6}{-11}$ ;  $0$ ;  $-\frac{5}{9}$ ;  $\frac{25}{14}$  có bao nhiêu số hữu tỉ dương?

- A. 1      B. 2      C. 3      D. 4

Câu 14: Kết quả của phép tính  $(\frac{1}{3})^8 : (\frac{1}{3})^5$  viết dưới dạng lũy thừa là:

- A.  $\frac{1}{3}$       B.  $(\frac{1}{3})^3$       C.  $(\frac{1}{27})$       D.  $(\frac{1}{3})^{24}$

Câu 15: Kết quả của phép tính  $(0,2)^2 \cdot (0,2)^2 \cdot (0,2)$  viết dưới dạng một lũy thừa là:

- A.  $(0,2)^5$       B.  $(0,2)^7$       C.  $(0,2)^6$       D.  $0,8$

Câu 16: Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần:  $-\frac{3}{7}$ ;  $0,4$ ;  $-0,5$ ;  $\frac{2}{7}$

- A.  $-\frac{3}{7}$ ;  $0,4$ ;  $-0,5$ ;  $\frac{2}{7}$       B.  $-0,5$ ;  $-\frac{3}{7}$ ;  $\frac{2}{7}$ ;  $0,4$   
C.  $0,4$ ;  $\frac{2}{7}$ ;  $-\frac{3}{7}$ ;  $-0,5$       D.  $-0,5$ ;  $-\frac{3}{7}$ ;  $0,4$ ;  $\frac{2}{7}$

Câu 17: Khẳng định nào sau đây **sai**?

- A. Số đối của  $0,3$  là  $-0,3$       B. Số đối của  $\frac{1}{3}$  là  $-\frac{1}{3}$   
C. Số đối của  $\frac{9}{5}$  là  $-\frac{9}{5}$       D. Số đối của  $-\frac{4}{3}$  là  $\frac{4}{3}$

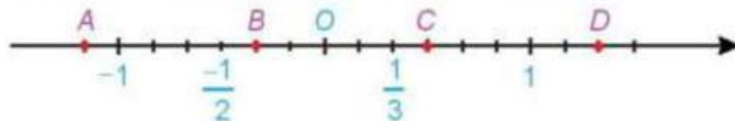
Câu 18: Khẳng định nào sau đây **sai**?

- A.  $-3 \in \mathbb{Q}$       B.  $\frac{3}{2} \notin \mathbb{Z}$       C.  $3,2 \in \mathbb{N}$       D.  $\frac{2}{-5} \in \mathbb{Q}$

Câu 19: Số đối của  $\frac{3}{4}$  là:

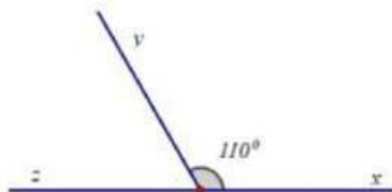
- A.  $-\frac{3}{4}$       B.  $\frac{3}{4}$       C.  $-\frac{4}{3}$       D.  $\frac{4}{3}$

Câu 20: Quan sát trục số sau. Khẳng định nào sau đây đúng?



- A. Điểm C biểu diễn số hữu tỉ  $\frac{2}{3}$       B. Điểm B biểu diễn số hữu tỉ  $-\frac{2}{3}$   
C. Điểm A biểu diễn số hữu tỉ  $-\frac{7}{6}$       D. Điểm D biểu diễn số hữu tỉ  $\frac{7}{3}$

Câu 21. Số đo  $\widehat{yOz}$  trong hình là:



- A.  $70^\circ$       B.  $110^\circ$       C.  $55^\circ$       D.  $180^\circ$

Câu 22. Cho  $\widehat{xOy} = 70^\circ$ . Góc đối đỉnh của  $\widehat{xOy}$  có số đo là:

- A.  $110^\circ$       B.  $20^\circ$       C.  $70^\circ$       D.  $180^\circ$

## II. TỰ LUẬN

**Bài 1.** Thực hiện phép tính:

a)  $\frac{7}{5} + \frac{5}{7} \cdot \frac{-7}{25}$

b)  $(\frac{2}{3} - 1)^2 : \frac{-5}{3} + (\frac{-1021}{1024})^0$

c)  $(\frac{-5}{18}) \cdot \frac{3}{11} + \frac{-13}{18} \cdot \frac{3}{11} - \frac{2}{11}$

**Bài 2.** Tìm x, biết

a)  $x - \frac{1}{3} = -1\frac{2}{9}$

b)  $\frac{3}{4} + \frac{1}{4} : x = \frac{2}{5}$

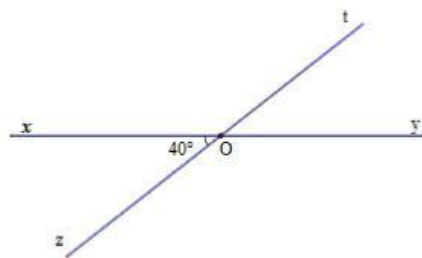
c)  $(x - \frac{1}{5})^2 + \frac{16}{25} = 1$

**Bài 3.** Bác An gửi ngân hàng 50 triệu đồng với kì hạn 1 năm, lãi suất 7%/năm. Tính số tiền lãi sau 1 năm của bác An.

Đáp số: \_\_\_\_\_ (đồng)

**Bài 4.**

Cho hình vẽ bên. Biết  $\widehat{xOz} = 40^\circ$ . Tìm số đo các góc  $\widehat{xOt}$ ,  $\widehat{yOt}$ .



$\widehat{xOt} =$  \_\_\_\_\_

$\widehat{yOt} =$  \_\_\_\_\_